

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày 31/3/2025
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Bà Nông Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-DS ngày 11/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (A); Địa chỉ trụ sở: số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N1, B; Địa chỉ: số A đường H, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quang V1 - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Hồng S - Phó giám đốc (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lư Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, ông Vũ Hồng S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/4/2022, bà Lư Thị L (được sự ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1) ký kết Hợp đồng tín dụng số 2508LAV202201095 với Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện Y - Bắc Giang II (sau đây viết tắt là Ngân hàng). Hạn mức cho vay: 100.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh và nhu cầu đời sống; Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho bà L tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng theo báo cáo đề xuất giải ngân giấy nhận nợ số 2508LDS202262153 ngày 28/4/2022 số tiền 50.000.000 đồng và báo cáo đề xuất giải ngân giấy nhận nợ số 2508LDS202362079 ngày 04/5/2023. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 27/4/2024 bà L đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi 11.698.563 đồng và chưa trả tiền gốc cho Ngân hàng. Tính đến ngày 30/6/2024, tổng số tiền bà L còn phải trả cho Ngân hàng tạm tính là: 114.506.943 đồng (trong đó nợ gốc: 100.000.000 đồng; nợ lãi: 114.506.943 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bà Lương thực H nghĩa vụ trả nợ nêu trên. Tuy nhiên, bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Lư Thị L, **ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền đến ngày 31/3/2025 với số tiền là 111.976.625 đồng (trong đó: số tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi 11.976.625 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tại phiên tòa ông S có mặt và giữ nguyên ý kiến.

- Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án tổng đạt trực tiếp văn bản cho ông T và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đối với bà L, anh T1 tại địa chỉ này. Tại biên bản xác minh ngày 23/10/2024 tại Công an thị trấn P cho biết bà L, ông T, anh T1 có đăng ký thường trú và sinh sống tại tổ dân phố B, thị trấn P. Như vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không đến làm việc, vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 288; Điều 463, Điều 466, Điều 470 BLDS; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lư Thị L, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 111.976.625 đồng (trong đó: số tiền gốc là 100.000.000đồng, số tiền lãi 11.976.625 đồng).

Về án phí: Bà Lư Thị L, ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí DSST là 5.598.831 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền đã cho vay đối với bà Lư Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn. Tòa án đã giao trực tiếp các văn bản cho ông T (là chồng bà L) nhưng các đương sự đều không đến Tòa án để làm việc về các vấn đề có liên quan vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến gì. Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC lấy địa chỉ nơi cư trú trong Hợp đồng tín dụng để tổng đạt, niêm yết. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này không đến làm việc, vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án không thu thập được lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng theo lời khai của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng phù hợp với Hợp đồng tín dụng số 2508LAV202201095 ngày 27/4/2022 giữa bà L (được sự ủy quyền của ông T, anh T1) và Ngân hàng. Như vậy, việc bà L có vay tiền tại Ngân hàng được thể hiện bằng việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 2508LAV202201095 ngày 27/4/2022 giữa bà L và Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng số 2508LAV202201095 ngày 27/4/2022 đã ký là đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Khi đến phân kỳ thanh toán Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bà Lương thực H nghĩa vụ trả

nợ nhưng vẫn không trả. Bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 31/3/2025 với tổng số tiền là 111.976.625 đồng (trong đó: số tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi 11.976.625 đồng). Do bà L không chấp hành trả nợ đúng theo các kỳ trả nợ đã phân kỳ là vi phạm khoản 2 Điều 5, điểm c khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 2508LAV202201095 ngày 27/4/2022 và mục II.8 Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 2508LDS202202153 ngày 27/4/2022, mục II.8 Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 2508LDS202362079 ngày 04/5/2023 nên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 2508LAV202201095 ngày 27/4/2022. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L, ông T, anh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 111.976.625 đồng (trong đó: số tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi 11.976.625 đồng) và tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ là phù hợp.

- Về trách nhiệm trả tiền: Ông T, anh T1 ủy quyền cho bà L có hợp đồng ủy quyền ngày 27/4/2022 được chứng thực hợp đồng tại UBND thị trấn P với nội dung đã ủy quyền cho bà L ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và Ngân hàng đã cho vay số tiền theo hợp đồng để phục vụ nhu cầu đời sống của gia đình bà L nên bà L, ông T, anh T1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền đã vay của Ngân hàng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên bà L, ông T, anh T1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng N1 - Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn huyện N1, Bắc Giang II được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 470, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N1, Bắc Giang II:

- Buộc bà Lư Thị L, **ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1** phải **liên đới** trả cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N1, Bắc Giang II tổng số tiền là 111.976.625 đồng (một trăm

mười một triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi năm đồng), (trong đó: số tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi 11.976.625 đồng).

- Bà Lư Thị L, **ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1** phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2508LAV202201095 ngày 27/4/2022 đã ký kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Bà Lư Thị L, **ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.598.831 đồng.

- Hoàn trả lại Ngân hàng N1 - Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn huyện N1, Bắc Giang II số tiền 2.800.000 đồng (do bà Triệu Bảo N nộp) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001766 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên